

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2022/HSST

Ngày 10-08 -2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN - TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Công Mừng.

2. Ông Vũ Ngọc Côn.

- Thư ký phiên toà: Bà Diệp Thu Trang – Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Thị Thanh Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 08 năm 2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 68/2022/HSST ngày 21 tháng 01 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2022/QĐXXST - HS ngày 26 tháng 07 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Văn T**, sinh năm 1989; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn T, xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán chỉ; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không. Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: Trần Văn H, sinh năm 1966 (đã chết) và bà Lý Thị T, sinh năm 1966 (đã chết); Vợ, con: Chưa có; Bị cáo có 5 chị em ruột, bị cáo là con thứ hai.

Tiền sự: Không.

Tiền án:

+ Tại Bản án số 41/2015/HSST ngày 25/6/2015 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 53; Điều 60 BLHS xử phạt Trần Văn T 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản” thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST, chấp hành xong ngày 05/11/2015.

+ Tại Bản án số 62/2018/HSST ngày 29/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS xử phạt Trần Văn T 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời gian chấp hành hình phạt tù từ ngày 07/5/2018. Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST, bị cáo chấp hành xong án phí ngày 17/10/2018, chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/5/2019.

+ Tại Bản án số 329/2020/HSST ngày 21/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s

khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS xử phạt Trần Văn T 12 tháng tù về tội gi “Trộm cắp tài sản”, thời gian chấp hành hình phạt từ 05/5/2020 (trị giá tài sản 650.000đồng). Bị cáo phải chịu 195.000đ tiền án phí HSST, chấp hành xong án phí ngày 21/6/2021. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/5/2021. T đến thời điểm phạm tội này, bị cáo chưa được xóa án tích.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/5/2022 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (Có mặt tại phiên tòa).

*** Bị hại:** Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn G, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1983 (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Bà Vũ Thị L, sinh năm 1975 (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

3. Ông Lý Văn H, sinh năm 1972 (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

4. Ông Lê Văn T, sinh năm 1987(Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 09/5/2022, Trần Văn T, sinh năm 1989, trú tại Thôn T, xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang chơi ở nhà anh Ngô Văn X, sinh năm 1993, trú tại thôn C, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Khoảng 15 giờ 45 phút cùng ngày, T đi bộ từ nhà anh X đi theo hướng đi xã S, huyện L để về nhà. Khi đi đến địa phận thôn C, xã P, huyện L, T phát hiện thấy có 01 xe mô tô nhãn hiệu Angel, loại xe nữ, màu sơn xanh, biển số 98N1-7968, phía sau xe có lắp một giá thò hàng bằng sắt, màu đen đang dựng ở lề đường bên phải theo hướng từ xã P đi xã S, chìa khóa xe treo ở giá xe ở đầu xe, đó là xe của chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1982, trú tại thôn G, xã P, huyện L. T quan sát xung quanh không thấy có ai trông coi nên đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô trên. T đi đến vị trí dựng chiếc xe mô tô, lấy chìa khóa xe cắm vào ổ khóa điện của xe rồi khởi động xe điều khiển đi về hướng thị trấn C, huyện L. Khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, T đi đến cửa hàng mua bán sắt vụn của chị Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1983 ở Thôn H, xã B, huyện L, đặt vấn đề bán chiếc giá thò hàng bằng sắt ở phía sau xe mô tô cho chị H. Chị H nhất trí mua với giá 150.000 đồng. Sau đó T mượn chị H chiếc cò lê rồi tháo ốc của chiếc giá thò hàng ra, đồng thời T tháo lỏng ốc gắn biển số xe. Sau khi bán chiếc giá thò hàng cho chị H xong, T tiếp tục điều khiển xe mô tô đến nhà anh Lý Văn H, sinh năm 1972, trú tại Tổ dân phố L, thị trấn C, huyện L, mục đích để bán chiếc xe mô tô trộm cắp cho anh H. Trên đường đi đến nhà anh H, T đi lên cầu N, tháo chiếc biển số xe ra rồi vứt xuống dưới khu vực ngôi nhà bỏ hoang dưới chân cầu (thuộc Tổ dân phố T, thị trấn C, huyện L). Khi đến nhà anh H, T gặp anh H và anh Lý Văn H, sinh năm 1980, trú tại thôn L, xã T, huyện L đang xếp sắt vụn ở nhà anh H. T đặt vấn đề muốn bán chiếc xe nhãn hiệu Angel cho anh H, anh H

đồng ý mua với giá 700.000 đồng. T nói là xe của T, đã cũ, không còn giấy tờ xe và không nói cho anh H biết đây là tài sản do phạm tội mà có. Sau khi thỏa thuận việc mua bán xe xong, anh H nhờ T đi xe chở sắt vụn đi từ nhà anh H đến cửa hàng thu mua sắt vụn của chị Vũ Thị L, sinh năm 1975, trú tại Thôn H, xã N, huyện L để bán. Đồng thời anh H đi xe nhãn hiệu Angel vừa mua của T cùng anh Hưng cũng đi cùng T đi đến nhà chị L. Tại đây, anh H thỏa thuận bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Angel đã mua của T cho chị L với giá 1.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền bán xe từ chị L, anh H trả cho T 700.000 đồng. T nhận tiền rồi đi đến nhà anh Lê Văn T, sinh năm 1987, trú tại cụm dân cư số 6, Tổ dân phố L, thị trấn C, huyện L chơi và ngủ nhờ tại đây. Sáng ngày 10/5/2022, T mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM, loại xe Ez110, màu sơn xanh – đen, biển số 98K1-4286 của anh T nói để đi chở củi nên anh T đồng ý. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, nhận thấy hành vi trộm cắp tài sản của mình là vi phạm pháp luật nên T đã đến Công an xã Phong Minh đầu thú khai nhận về hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô của chị N, đồng thời T giao nộp 01 xe mô tô biển số 98K1-4286 mượn của anh T. Đối với số tiền bán xe và bán giá thò hàng có được, T đã chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản, cùng ngày 09/5/2022, chị Nguyễn Thị N đã làm đơn trình báo đến Công an xã Phong Minh đề nghị giải quyết.

Ngày 19/5/2022 khi biết chiếc giá thò hàng do chị Trần Thị Ngọc H mua của T là tài sản do phạm tội mà có, anh Vũ Văn N, sinh năm 1982 (là chồng chị H) đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 giá thò hàng bằng sắt, nặng 14kg.

Ngày 10/5/2022, chị Vũ Thị L giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 chiếc khung xe mô tô nặng 25kg và 03 mảnh nhựa, cánh yếm xe màu xanh là những bộ phận còn lại của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Angel sau khi mua được của anh H, chị L đã tháo rời các bộ phận của xe ra và đã bán cho người thu mua sắt vụn không quen biết một phần.

Ngày 12/5/2022 và ngày 03/6/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn đã ra Yêu cầu định giá tài sản đối với chiếc xe mô tô và 01 chiếc giá thò hàng bằng sắt nêu trên. Tại Kết luận định giá tài sản số 66/KL-HĐĐGTS ngày 16/5/2022 và số 77/KL-HĐĐGTS ngày 06/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Lục Ngạn kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Angel, loại xe nữ, màu sơn xanh, biển số 98N1-7968 có trị giá tại thời điểm bị chiếm đoạt là 2.200.000 đồng; 01 giá thò hàng bằng sắt, màu đen nặng 14 kg có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 550.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản kết luận điều tra và Bản cáo trạng đã truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật không oan sai, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đối với những người liên quan vắng mặt nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt và không yêu cầu đề nghị bồi thường dân sự. Chủ tọa phiên tòa công bố lời khai của những người liên quan vắng mặt tại phiên tòa.

Tại bản Cáo trạng số: 68/CT-VKS-HS ngày 21 tháng 07 năm 2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn đã truy tố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên toà sau khi phân tích T chất vụ án, giữ nguyên quyết định truy tố tại bản Cáo trạng đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo Trần Văn T như sau:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 12 đến 15 tháng tù, thời hạn tù T từ ngày bắt tạm giam, giữ 10/5/2022.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 BLTTHS.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 giá thò hàng bằng sắt.

Tịch thu tiêu hủy 03 mảnh nhựa cánh yếm xe máy màu xanh; 01 khung xe máy bằng kim loại.

* Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Văn T bồi thường cho chị Nguyễn Thị N số tiền 3.200.000 đồng.

* Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên miễn án phí hình sự và án phí dân sự cho bị cáo Trần Văn T.

Nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lục Ngạn, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như vậy là hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người liên quan: Tại phiên tòa người những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt.

Căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vắng mặt theo qui định của pháp luật.

[3] Nội dung vụ án: Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn T khai vào khoảng 15 giờ 45 phút ngày 09/5/2022, tại thôn C, xã P, huyện L bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc mô tô nhãn hiệu Angel, loại xe nữ, màu sơn xanh, biển số 98N1-7968, phía sau xe có lắp giá thò hàng bằng sắt, màu đen, có tổng trị giá 2.750.000 đồng của Nguyễn Thị N, sinh năm 1982, trú tại thôn G, xã P, huyện L. Ngày 10/5/2022, bị cáo đến Công an xã Phong Minh đầu thú.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo, lời khai báo của người bị hại, người liên quan, biên bản xác định hiện trường, bản ảnh hiện trường, bản ảnh nhận dạng tài sản, vật chứng của vụ án đã thu giữ và kết luận định giá tài sản, đã đủ cơ sở xác định hành vi của bị cáo Trần Văn T đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

[4] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại bản án số 329/2020/HSST ngày 21/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS xử phạt Trần Văn T 12 tháng tù về tội gi “Trộm cắp tài sản”, thời gian chấp hành hình phạt từ 05/5/2020 (trị giá tài sản 650.000đồng. Bị cáo phải chịu 195.000đ tiền án phí HSST, chấp hành xong án phí ngày 21/6/2021. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/5/2021. T đến thời điểm phạm tội này, bị cáo chưa được xóa án tích nên bị cáo chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo về toàn bộ hành vi phạm tội của mình, sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt: Sau khi xem xét toàn diện nội dung vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ tránh nhiệm hình sự, nhân thân. Hội đồng xét xử thấy rằng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an ở địa phương, bị cáo là người có nhân thân xấu, đã ba lần bị Tòa án xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng không lấy đó là bài học mà tiếp tục thực hiện hành phạm tội chứng tỏ bị cáo là người rất coi thường pháp luật nên cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian như mức đề nghị của Viện kiểm sát để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có thu nhập ổn định, sống phụ thuộc gia đình, nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[8] Đối với chị Trần Thị Ngọc H là người mua chiếc giá thò hàng, anh Lý Văn H và chị Vũ Thị L là những người đã mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Angel, quá trình điều tra xác định khi mua số tài sản trên những người này đều không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đặt ra vấn đề xử lý đối với chị H, anh H, chị L về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là có căn cứ.

[12] Về vật chứng: Cơ quan điều tra công an huyện Lục Ngạn ra quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản là 01 xe mô tô biển số 98K1-4286 cho anh Lê Văn T là có căn cứ nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với 01 giá thò hàng bằng sắt chị N không có nguyện vọng lấy lại cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Đối với 03 mảnh nhựa cánh yếm xe màu xanh; 01 khung xe máy bằng kim loại ít giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với những bộ phận của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Angel mà chị Vũ Thị L đã bán cho người mua sắt vụn, quá trình điều tra do chị L khai không biết tên tuổi nên cơ quan điều tra không thu hồi, không xử lý được.

Đối với chiếc biển số 98N1-7968, Trần Văn T khai vớt ở khu vực ngôi nhà bỏ hoang dưới chân cầu thuộc địa phận Tổ dân phố T, thị trấn C, huyện L. Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm vật chứng nhưng không được nên không có căn cứ để xử lý.

[13] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584; Điều 589 BLDS ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và chị Nguyễn Thị N.

Buộc bị cáo Trần Văn T phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị N số tiền 16.000.000 đồng

[14] Về án phí: Bị cáo Trần Văn T là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên miễn án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

[15] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 589 BLDS; Điều 106; Điều 333 và Điều 337; Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 10/5/2022.

Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Trần Văn T bồi thường cho chị Nguyễn Thị N số tiền 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng).

Về vật chứng:

Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 giá thò hàng bằng sắt.

Tịch thu tiêu hủy 03 mảnh nhựa cánh yếm xe máy màu xanh; 01 khung xe máy bằng kim loại.

Án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Trần Văn T.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, đến thời hạn thanh toán, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành án hoặc thi hành án không đầy đủ thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tiền trên số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên

quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Công an huyện Lục Ngạn;
- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- THADS huyện Lục Ngạn;
- Người tham gia tố tụng;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- UBND xã S;
- Sơ tư pháp;
- Lưu hồ sơ.

**T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hiếu